TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 17- 03-2025.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Mộng Linh

2. Ông Nguyễn Thanh Phong

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Hồng Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà*: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 451/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16a/2025/QĐXXST-HNHGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Kim P, sinh năm 1971. Địa chỉ: 1 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn G, sinh năm 1968. Địa chỉ: 1 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn bà Lý Kim P trình bày:

Bà và ông Phạm Văn G kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20 tháng 8 năm 1998, hôn nhân do hai bên tự nguyện.

Bà và ông Phạm Văn G có 03 người con chung là Phạm Thị C, sinh ngày 21 tháng 3 năm 1991, Phạm Thị K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1993, Phạm Bích T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2001. Hiện các con đã trưởng thành.

Nguyên nhân bà yêu cầu ly hôn với ông G là do thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà không còn tình cảm với ông G nên bà yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn G. Sau khi ly hôn bà không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng cho bà.

- Về con chung: 03 người con chung là Phạm Thị C, sinh ngày 21 tháng 3 năm 1991, Phạm Thị K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1993, Phạm Bích T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2001. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 12 năm 2024 bị đơn ông Phạm Văn G trình bày:

Ông và bà Lý Kim P đã đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã T, hôn nhân do hai bên tự nguyện. Trong quá trình chung sống ông và bà P có 03 con chung là Phạm Thị C, sinh ngày 21 tháng 3 năm 1991, Phạm Thị K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1993, Phạm Bích T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2001, hiện nay các con đã trưởng thành. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà P có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ mà vợ chồng nào cũng có không đến mức phải ly hôn. Nên nay bà P có yêu cầu ly hôn với ông thì ông có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân; ông không đồng ý ly hôn với bà P mà muốn vợ chồng hàn gắn, nếu Toà án giải quyết ly hôn thì ông không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: các con đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phạm Văn G vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 8, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Kim P. Về hôn nhân: bà P được ly hôn với ông G. Bà P không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết. Về con chung: đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Phạm Văn G hiện sinh sống tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Lý Kim P có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt cho ông G các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông G đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông G.

[4] Về hôn nhân: Năm 1998 bà P và ông G tự nguyện kết hôn với nhau, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20 tháng 8 năm 1998. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của bà P và ông G là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà P yêu cầu ly hôn với ông G là do thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn ông G trình bày không muốn ly hôn với bà P mà muốn được hàn gắn hôn nhân với bà P, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa

án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Tòa án nhằm tạo điều kiện để bà P và ông G hòa giải với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng ông G vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy ông G không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với bà P và không có thiện chí hàn gắn. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông G đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông G là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà P và ông G không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Bà P và ông G có 03 con chung là Phạm Thị C, sinh ngày 21 tháng 3 năm 1991, Phạm Thị K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1993, Phạm Bích T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2001, hiện các con đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Do bà P và ông G cùng trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Do bà P và ông G cùng trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Lý Kim P phải nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 53, 56 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lý Kim P. Bà Lý Kim P được ly hôn với ông Phạm Văn G. Do bà P và ông G không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Phạm Thị C, sinh ngày 21 tháng 3 năm 1991, Phạm Thị K, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1993, Phạm Bích T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2001. Hiện ba con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do bà P và ông G cùng trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Do bà P và ông G cùng trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lý Kim P phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006027 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Thạnh Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Như Sương